

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Định mức hỗ trợ từng loại hạng mục, công trình
đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Bắc Ninh Quy định về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 07/TTr-SKHĐT ngày 04 tháng 02 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quyết định này quy định định mức hỗ trợ từng loại hạng mục, công trình đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP) và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh Bắc Ninh quy định về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (sau đây gọi là Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND).

2. Đối tượng áp dụng: Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 và khoản 2 Điều 1 Quy định kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020

Điều 2. Định mức hỗ trợ

Định mức hỗ trợ từng loại hạng mục, công trình được tính bằng suất đầu tư nhân với tỷ lệ phần trăm hỗ trợ theo quy định tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Định mức hỗ trợ theo quy định này là định mức tối đa, tổng kinh phí hỗ trợ từng hạng mục đảm bảo không vượt mức hỗ trợ cho dự án, công trình quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND. Trường hợp doanh nghiệp đầu tư các hạng mục, công trình có tiêu chuẩn hoặc giá trị thấp hơn theo quy định này thì áp dụng theo tiêu chuẩn và giá trị thực tế đó. Trường hợp tiêu chuẩn hoặc giá trị cao hơn quy định này thì áp dụng định mức hỗ trợ quy định này. Riêng các dự án, công trình không có trong quy định này thì áp dụng theo đơn giá, định mức hiện hành nhưng không vượt mức trần hỗ trợ tối đa của Nghị định 57/2018/NĐ-CP và Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND đối với từng hạng mục hoặc dự án, công trình.

2. Đối với hạng mục, công trình đầu tư của dự án đã có định mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP thì áp dụng theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

3. Doanh nghiệp được áp dụng định mức hỗ trợ phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí và điều kiện hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2021.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định và tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh: các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL thuộc Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng UBND: LĐVP, CTTĐT;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

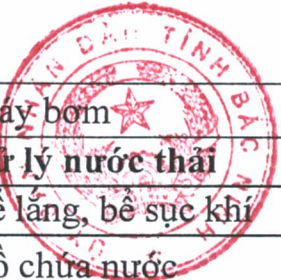
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Quốc Tuấn

PHỤ LỤC
ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ TỪNG LOẠI HẠNG MỤC, CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ
VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /2021/QĐ-UBND ngày 29/4/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ (1.000đ)
1	Hệ thống điện		
a	Hệ thống điện trong hàng rào dự án (bao gồm trạm, dây...) từ 50-100KVA	1KVA	1.000
b	Hệ thống điện ngoài hàng rào dự án (bao gồm trạm, dây...)	1KVA	1.100
2	Hệ thống đường giao thông		
a	Đường giao thông trong hàng rào dự án (bề dày tối thiểu 15cm)	m ²	1.000
b	Đường giao thông ngoài hàng rào dự án (bề dày tối thiểu 15cm)	m ²	1.100
3	San lấp mặt bằng	m ³	
a	Đào, đắp đất (hoặc cát)	m ³	10
b	Đào, đắp đá	m ³	50
c	Nền bê tông các loại	m ²	300
4	Nhà		
-	Nhà xưởng, nhà kho cao từ 5m trở lên	m ²	1.000
-	Nhà xưởng, nhà kho, cao dưới 5 m	m ²	700
-	Nhà ở công nhân, nhà làm việc 2 tầng trở lên	m ²	2.000
-	Nhà ở công nhân, nhà làm việc cấp IV	m ²	1.000
5	Nước sạch		
a	Bể chứa	m ³	2.000
b	Đường ống (có đường kính tối thiểu 30mm)	m dài	100



c	Máy bơm	$\text{m}^3/\text{giờ}$	500
6	Xử lý nước thải		
a	Bể lắng, bể sục khí	m^3	2.000
b	Hồ chứa nước	m^3	50
c	Đường ống (có đường kính tối thiểu 50mm)	m dài	100
d	Máy bơm	$\text{m}^3/\text{giờ}$	1.000
7	Thiết bị	Hỗ trợ 50% giá thực tế (dựa trên hóa đơn tài chính và chứng thư thẩm định của doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá)	